TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 844/2024/HS-PT
Ngày 16 tháng 9 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Hồng

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Mười

Ông Nguyễn Hồ Tâm Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Hà Văn Hiến - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 639/2024/TLPT-HS ngày 17 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo Ngô Đại T do có kháng cáo của người liên quan và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 264/2024/HS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo bị kháng cáo, kháng nghị: Ngô Đại T, sinh năm 1994 tại Đồng Tháp; nơi thường trú: Căn hộ B, chung cư E, tổ A, khu phố F, phường P, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: A L, Phường G, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: nhân viên ngân hàng; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Công D và bà Nguyễn Thị Nguyệt H; vợ Nguyễn Vũ H1 (là bị cáo trong vụ án) và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/12/2023; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Vũ Kim Đ - Công ty L thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo: Ông Lê Nguyễn Xuân Đ1, sinh năm 1981. Địa chỉ: Số B L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh; xin xét xử vắng mặt.

(Ngoài ra còn có bị cáo Nguyễn Vũ H1, 02 người liên quan không có kháng cáo và không bị kháng nghị).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngô Đại T làm việc tại Phòng G thuộc Ngân hàng S - Chi nhánh T2, địa chỉ số D P, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh, còn Nguyễn Vũ H1 (vợ của T) làm việc tại Phòng G1 thuộc Ngân hàng V1 - Chi nhánh I1, địa chỉ số F Q, Phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Do trước đây các ông Võ Hữu T1, Lê Nguyễn Xuân Đ1, Cao Thanh V cùng làm chung với T tại Ngân hàng S - Chi nhánh T2, nên quen biết T và H1. Vì có nhu cầu cần tiền để kinh doanh nên ông T1, ông Đ1, ông V nhiều lần vay tiền của T và H1 với lãi suất cao. Hình thức vay tín chấp không thế chấp tài sản, lãi suất tính theo ngày, dao động từ 0,28%/ngày đến 0,75%/ngày (tương đương từ 100,8%/năm đến 270%/năm), thời hạn vay từ 03 ngày đến 05 ngày. Tiền gốc và tiền lãi trả 01 lần vào ngày cuối của thời hạn vay. Khi đến hạn thanh toán, người vay không có khả năng trả nợ sẽ được T và H1 tiếp tục cho vay thêm khoản vay mới, tiền vay này được T và H1 cấn trừ vào tiền gốc và tiền lãi còn nợ. Khi đó, người vay phải trả theo khoản vay mới cao hơn và tiếp tục đóng lãi. Tất cả giao dịch vay mượn và trả lãi giữa Ngô Đại T và Nguyễn Vũ H1 với các ông Võ Hữu T1, Cao Thanh V, Lê Nguyễn Xuân Đ1 đều được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản. Do lãi suất vay cao, không còn khả năng tiếp tục đóng lãi và trả nợ gốc cho T và H1, nên các ông T1, Đ1, V đã làm đơn tố cáo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H. Quá trình điều tra, đã xác định:

1. Đối với khoản tiền Võ Hữu T1 vay của T và H1:

Từ ngày 17/7/2023 đến ngày 17/10/2023, Ngô Đại T cho ông T1 vay tổng cộng 81 khoản vay, với số tiền vay thấp nhất 600.000.000 đồng, cao nhất là 6.500.000.000 đồng, lãi suất dao động từ 0,375%/ngày đến 0,5%/ngày (tương đương 135%/năm đến 180%/năm). Ông T1 còn nợ tiền gốc của T là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 40.000.000 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính trong các khoản vay trên đối với ông T1 là 1.815.670.000 đồng.

Từ ngày 23/5/2023 đến ngày 17/10/2023, Nguyễn Vũ H1 cho ông T1 vay tổng cộng 104 khoản vay, số tiền vay thấp nhất 400.000.000 đồng, cao nhất là 4.000.000.000 đồng, lãi suất dao động từ 0,28%/ngày đến 0,5%/ngày (tương đương 100,8%/năm đến 180%/năm). Hiện, anh T1 còn nợ tiền gốc của của H1 là 11.800.000.000 đồng. Tổng số tiền H1 thu lợi bất chính trong các khoản vay trên đối với anh T1 là 2.568.618.000 đồng.

2. Đối với khoản tiền Lê Nguyễn Xuân Đ1 vay của T:

Từ ngày 13/3/2023 đến ngày 12/10/2023, Ngô Đại T cho ông Đ1 vay tổng cộng 130 khoản vay, trong đó số tiền vay thấp nhất là 100.000.000 đồng, cao nhất là 7.000.000.000 đồng, lãi suất dao động từ 0,4%/ngày đến 0,5%/ngày (tương đương 144 %/năm đến 180%/năm). Ông Đ1 còn nợ tiền gốc của T là 18.200.000.000 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính đối đối các khoản vay trên đối với ông Đ1 là 8.359.204.000 đồng.

3. Đối với khoản tiền Cao Thanh V vay của T và H1.

Từ ngày 26/5/2023 đến ngày 09/10/2023, Ngô Đại T cho ông V vay tổng cộng 85 khoản vay, số tiền vay thấp nhất là 200.000.000 đồng, cao nhất là 9.200.000.000 đồng, lãi suất dao động từ 0,4%/ngày đến 0,75%/ngày (tương đương 144%/năm đến 270%/năm). Hiện, ông V còn nợ T tiền gốc 2.000.000.000 đồng, tiền lãi 57.000.000 đồng. Tổng số tiền T thu lợi bất chính trong các khoản vay trên đối với ông V là 1.938.372.000 đồng.

Từ ngày 12/8/2021 đến ngày 12/10/2023, Nguyễn Vũ H1 cho ông V vay tổng cộng 89 khoản vay, số tiền vay thấp nhất 100.000.000 đồng, cao nhất là 4.500.000.000 đồng, lãi suất dao động từ 0,4%/ngày đến 0,6%/ngày (tương đương 144%/năm đến 216%/năm). Hiện, ông V còn nợ H1 tiền gốc là 2.600.000.000 đồng. Tổng số tiền H1 thu lợi bất chính trong các khoản vay trên đối với ông V là 4.170.536.000 đồng.

Quá trình điều tra, Ngô Đại T và Nguyễn Vũ H1 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên phù hợp với lời khai của các ông Võ Hữu T1, Lê Nguyễn Xuân Đ1 và Cao Thanh V, phù hợp với kết quả sao kê chuyển khoản, các nội dung tin nhắn, giấy mượn tiền giữa vợ chồng T, H1 và các ông Võ Hữu T1, Lê Nguyễn Xuân Đ1, Cao Thanh V.

Về vật chứng: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 13 Pro Max, màu vàng Gold 128GB, số sert: XTYFF7MFXK (thực nhận 01 điện thoại kiểu dáng Iphone, …9696, không kiểm tra đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone 15 Pro Max, màu xanh 256GB, số seri: WR410JYM2T (thực nhận 01 điện thoại kiểu dáng Iphone, không có Imei ở khe sim, bể góc màn hình, không kiểm tra đời máy, I do không có nguồn điện, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 06 (sáu) thẻ ngân hàng các loại mang tên Ngô Đại T, gồm: 01 thẻ Visa Ngân hàng C; 01 thẻ Visa Ngân hàng M; 01 thẻ Ngân hàng V2; 01 thẻ CashPlus Ngân hàng V1; 01 thẻ Visa Ngân hàng S; 01 thẻ ATM Ngân hàng S; 01 (một) cuốn tập màu xanh, có nhãn hiệu V1 (đã qua sử dụng); 01 (một) Ipad Pro 11 inch, hiệu Apple, màu xám (Model: 2459, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong); 01 (một) máy tính xách tay hiệu Macbook Pro, màu xám (S/N:…GDV7L, không kiểm tra tình trạng máy móc bên trong) (Theo biên bản giao nhận tang vật số NK2024/315 ngày 07/5/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Về trách nhiệm dân sự: Ông Võ Hữu T1, Lê Nguyễn Xuân Đ1 và Cao Thanh V yêu cầu vợ chồng Ngô Đại T, Nguyễn Vũ H1 trả lại số tiền lãi mà T, H1 đã hưởng lợi bất hợp pháp từ việc cho vay tiền lãi suất cao. Còn Ngô Đại T và Nguyễn Vũ H1 yêu cầu các ông Võ Hữu T1, Lê Nguyễn Xuân Đ1, Cao Thanh V trả lại tiền vay gốc đã vay mượn.

Tại Bản cáo trạng số: 218/CT-VKS-P2 ngày 01/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo Ngô Đại T và Nguyễn Vũ H1 về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 264/2024/HS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 2 khoản 3 Điều 201, điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Ngô Đại T 09 (chín) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2023.

Phạt bổ sung bị cáo Ngô Đại T số tiền 50.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

- Căn cứ khoản 2 khoản 3 Điều 201, điểm i điểm n điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Vũ H1 08 (tám) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là 01 (một) năm 04 (bốn) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Vũ H1 số tiền 30.000.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước.

Giao bị cáo Nguyễn Vũ H1 cho Ủy ban nhân dân Phường G2, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Buộc ông Võ Hữu T1 nộp lại số tiền 13.800.000.000 đồng.

- Buộc ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 nộp lại số tiền 18.200.000.000 đồng.

- Buộc ông Cao Thanh V nộp lại số tiền 4.600.000.000 đồng.

- Buộc bị cáo Ngô Đại T nộp lại số tiền 1.806.768.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Vũ H1 nộp lại số tiền 899.444.000 đồng.

Để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Ngô Đại T trả lại cho: Ông Võ Hữu T1 số tiền 1.815.670.000 đồng; ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 số tiền 8.359.204.000 đồng; ông Cao Thanh V số tiền 1.938.372.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Vũ H1 trả lại cho: Ông Võ Hữu T1 số tiền 2.568.618.000 đồng; ông Cao Thanh V số tiền 4.187.436.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng; về việc tiếp tục tạm giữ số tiền 50.000.000 đồng để bảm đảm thi hành án (Theo giấy nộp tiền ngày

13/3/2024 tại Ngân hàng TMCP C1 - Chi nhánh 10 TP .); về án phí hình sự sơ thẩm và quyền kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

- Ngày 12/6/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 có đơn kháng cáo không đồng ý nộp lại số tiền 18.200.000.000 đồng mà yêu cầu khấu trừ khoản tiền lãi do bị cáo đã nhận vượt mức lãi suất quy định để ông Đ1 chỉ còn phải giao nộp với số tiền 9.840.796.000 đồng.

- Ngày 19/6/2024, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quyết định kháng nghị phúc thẩm số: 21/QĐ-VKS-P2 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 264/2024/HS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần mức hình phạt đối với bị cáo Ngô Đại T. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Ngô Đại T với lý do bị cáo sử dụng số tiền rất lớn để cho nhiều người vay và cho vay nhiều lần với thời gian rất dài, bị cáo thu lợi bất chính trên 10 tỷ đồng, việc xử phạt bị cáo 09 tháng tù là chưa tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 có đơn kháng cáo không đồng ý nộp lại số tiền 18.200.000.000 đồng mà yêu cầu khấu trừ khoản tiền lãi do bị cáo đã nhận vượt mức lãi suất quy định để ông Đ1 chỉ còn giao nộp với số tiền 9.840.796.000 đồng và xin xét xử vắng mặt.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 264/2024/HS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về phần mức hình phạt đối với bị cáo Ngô Đại T. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử theo thủ tục phúc thẩm theo hướng tăng hình phạt đối với bị cáo Ngô Đại T.

- Bị cáo Ngô Đại T khai nhận Bản án sơ thẩm tuyên xử bị cáo phạm tội là không oan. Nên bị cáo xin giữ nguyên mức hình phạt đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng hình sự, kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh hợp lệ, đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo, kháng nghị: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo Ngô Đại T về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" là có căn cứ. Xét thấy bị cáo phạm tội nhiều lần và số tiền thu lợi bất chính rất lớn. Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo T 09 tháng tù là quá nhẹ, chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện. Do đó, đề nghị chấp nhận kháng nghị, tăng hình phạt đối với bị cáo và tuyên phạt bị cáo Ngô Đại T từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù. Đối với kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 là chưa có căn cứ nên đề nghị bác kháng cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo có ý kiến: Quá trình điều tra và tại phiên tòa thể hiện bị cáo và những người liên quan ông T1, ông Đ1, ông V có mối quan hệ thân thiết, những người vay đưa ra yêu cầu hỏi vay và đề nghị mức lãi suất vay. Việc cho vay của bị cáo và những người vay diễn ra công khai, minh bạch, về ý thức chủ quan của bị cáo không lường trước được hậu quả của mình phải chịu là trách nhiệm hình sự. Về đường lối xét xử vụ án cho vay lãi nặng có hình phạt tiền là chính, tuy nhiên sau khi Bản án sơ thẩm tuyên phạt bị cáo 09 tháng tù bị cáo đã không kháng cáo thể hiện sự ăn năn hối cải. Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là không phù hợp với quy định tại Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đối với kháng cáo của người liên quan ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 đề nghị cấn trừ số tiền ông Đ1 giao nộp để sung công quỹ với số tiền buộc bị cáo giao trả lại cho ông Đ1 là không đúng quy định tại Điều 5 của Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP nên đề nghị bác kháng cáo của ông Đ1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 có kháng cáo nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, nên Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vắng mặt ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 351 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo Ngô Đại T phù hợp với chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để xác định:

Từ năm 2021 đến năm 2023 tại Thành phố Hồ Chí Minh. Bị cáo Ngô Đại T và vợ là bị cáo Nguyễn Vũ H1 nhiều lần cho các ông Võ Hữu T1, Lê Nguyễn Xuân Đ1 và Cao Thanh V vay tiền với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định tại Bộ luật Dân sự. Trong đó:

- Bị cáo T cho ông T1 vay 81 lần, ông T1 đóng lãi là 2.052.540.000 đồng (lãi suất cho phép là 236.780.000 đồng), T thu lợi bất chính là 1.815.670.000 đồng. Hiện ông T1 còn nợ tiền gốc của bị cáo T là 2.000.000.000 đồng và tiền lãi 40.000.000 đồng.

- Bị cáo T cho ông Đ1 vay 130 lần, ông T1 đóng tổng lãi là 9.679.600.000 đồng (lãi suất cho phép là 1.320.396.000 đồng), T thu lợi bất chính là 8.359.204.000 đồng. Hiện, ông Đ1 còn nợ tiền gốc của bị cáo T là 18.200.000.000 đồng.

- Bị cáo T cho ông V vay 85 lần, ông V đóng lãi tổng cộng là 2.194.900.000 đồng (lãi suất cho phép là 249.592.000 đồng), T thu lợi bất chính là 1.938.372.000 đồng. Hiện, ông V còn nợ bị cáo T tiền gốc 2.000.000.000 đồng, tiền lãi 57.000.000 đồng.

- Bị cáo H1 cho ông T1 vay 104 lần, ông T1 đóng lãi là 2.930.350.000 đồng (lãi suất cho phép là 361.732.000 đồng), H1 thu lợi bất chính là 2.568.618.000 đồng. Hiện, ông T1 còn nợ tiền gốc của bị cáo H1 là 11.800.000.000 đồng.

- Bị cáo H1 cho ông V vay 89 lần, ông V đóng lãi tổng cộng 4.728.700.000 đồng (lãi suất cho phép là 537.712.000 đồng), H1 thu lợi bất chính là 4.187.436.000 đồng. Hiện, ông V còn nợ bị cáo H1 tiền gốc là 2.600.000.000 đồng.

Do đó, Bản án sơ thẩm tuyên xử các bị cáo Ngô Đại T và Nguyễn Vũ H1 phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về hoạt động tín dụng, mà cụ thể là trật tự trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm đến lợi ích tài chính của công dân. Do đó, cần phải xử phạt nghiêm với các bị cáo mới đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Xét nhân thân bị cáo Ngô Đại T không có tiền sự, tiền án; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có ông bà nội là người có công với Nhà nước; bị cáo đã nộp một phần tiền thu lợi bất chính.

Bản án sơ thẩm đã xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định hình phạt đối với bị cáo Ngô Đại T là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Tuy nhiên, xét bị cáo Ngô Đại T cho vay lãi nặng với số tiền rất lớn và cho vay nhiều lần với thời gian dài. Số tiền thu lợi bất chính rất lớn trên mười hai tỷ đồng. Nhưng Bản án sơ thẩm tuyên mức hình phạt đối với bị cáo Ngô Đại T là chưa tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra.

Do đó, chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tăng một phần hình phạt đối với bị cáo Ngô Đại T để đảm bảo tác dụng giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung trong xã hội.

[4] Đối với biện pháp tư pháp: Xét thấy số tiền 18.200.000.000 đồng do bị cáo Ngô Đại T dùng vào việc phạm tội để cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, hiện nay ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 còn nợ chưa trả lại cho bị cáo. Bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 giao nộp số tiền 18.200.000.000 đồng để tịch thu sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số: 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng

Điều 201 Bộ luật Hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Vì vậy, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Nguyễn Xuân Đ1.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của người liên quan ông Lê Nguyễn Xuân Đ1, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tăng hình phạt đối với bị cáo Ngô Đại T là có căn cứ.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 23, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[7] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Vũ H1; về biện pháp tư pháp buộc ông Võ Hữu T1 nộp lại số tiền 13.800.000.000 đồng; buộc ông Cao Thanh V nộp lại số tiền 4.600.000.000 đồng, buộc bị cáo Ngô Đại T nộp lại số tiền 1.806.768.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Vũ H1 nộp lại số tiền 899.444.000 đồng để tịch thu sung công quỹ Nhà nước; về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo Ngô Đại T trả lại cho: ông Võ Hữu T1 số tiền 1.815.670.000 đồng; ông Cao Thanh V số tiền 1.938.372.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Vũ H1 trả lại cho: Ông Võ Hữu T1 số tiền 2.568.618.000 đồng; ông Cao Thanh V số tiền 4.187.436.000 đồng; về lãi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Nguyễn Xuân Đ1.

- Chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 264/2024/HS-ST ngày 07/6/2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về hình phạt đối với bị cáo Ngô Đại T:

2.1. Áp dụng khoản 2 khoản 3 Điều 201, điểm i điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Tuyên bố bị cáo Ngô Đại T phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Xử phạt bị cáo Ngô Đại T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự". Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 18/12/2023.

- Phạt bổ sung bị cáo 50.000.000 đồng để sung vào công quỹ Nhà nước.

2.2. Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

- Buộc ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 nộp lại số tiền 18.200.000.000 đồng (mười tám tỷ hai trăm triệu đồng) để tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Buộc bị cáo Ngô Đại T trả lại cho ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 số tiền 8.359.204.000 đồng (tám tỷ ba trăm năm mươi chín triệu hai trăm lẽ bốn ngàn đồng).

3. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Nguyễn Xuân Đ1 phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Được khấu trừ vào số tiền nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0005407 ngày 02/7/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, ông Đ1 đã nộp đủ.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về tội danh và hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Vũ H1; về biện pháp tư pháp buộc ông Võ Hữu T1 nộp lại số tiền 13.800.000.000 đồng; buộc ông Cao Thanh V nộp lại số tiền 4.600.000.000 đồng, buộc bị cáo Ngô Đại T nộp lại số tiền 1.806.768.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Vũ H1 nộp lại số tiền 899.444.000 đồng để tịch thu sung công quỹ Nhà nước; về trách nhiệm dân sự buộc bị cáo Ngô Đại T trả lại cho: ông Võ Hữu T1 số tiền 1.815.670.000 đồng; ông Cao Thanh V số tiền 1.938.372.000 đồng; buộc bị cáo Nguyễn Vũ H1 trả lại cho: Ông Võ Hữu T1 số tiền 2.568.618.000 đồng; ông Cao Thanh V số tiền 4.187.436.000 đồng; về lãi suất chậm thi hành án; về xử lý vật chứng; về án phí hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)